

CÔNG TY CỔ PHẦN MEKONGHOMES
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MEKONGHOMES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MEKONGHOMES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MEKONGHOMES., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109929488

3. Ngày thành lập: 11/03/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904303333

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
6.	Bán buôn thực phẩm	4632
7.	Bán buôn đồ uống	4633
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
14.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)	4662
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại Nhà nước cấm)	4669
18.	Khai thác gỗ	0220
19.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
20.	Khai thác và thu gom than non	0520

21.	Dịch vụ đóng gói	8292
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu nhập khẩu hàng hóa theo quy định pháp luật	8299
23.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
24.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở như văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm, nhà kho,.. - Mua bán nhà, công trình xây dựng; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở như văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm, nhà kho.... - Cho thuê nhà, công trình xây dựng; - Cho thuê mua nhà công trình xây dựng; - Chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất ; - Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản ; - Kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai	6810(Chính)
25.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản ; - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản ; - Dịch vụ tư vấn bất động sản ; - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
26.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020

27.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Thiết kế, giám sát, thi công hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông trong công trình; - Đánh giá hồ sơ dự thầu; - Tư vấn đấu thầu; - Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng ; - Hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng ; - Lập dự án đầu tư xây dựng ; - Khảo sát xây dựng (Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất xây dựng; khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát hiện trạng công trình) - Tư vấn thiết kế công trình điện và tư vấn giám sát thi công công trình điện máy điện gió, điện mặt trời; tư vấn thiết kế công trình nhà máy nhiệt điện; tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp; tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy thủy điện; tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy điện gió, điện mặt trời - Tư vấn đầu tư xây dựng công trình điện (không bao gồm hoạt động lập dự án đầu tư, đấu thầu công trình điện) - Tư vấn giám sát thi công các công trình điện (bao gồm nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, đường dây và trạm biến áp);	7110
28.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
29.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
30.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
31.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về Công nghệ và chuyển giao công nghệ	7490
32.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
33.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
34.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
37.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
38.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
39.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
40.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

41.	Sản xuất than cốc	1910
42.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
43.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
44.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
45.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
46.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
47.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
48.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (loại trừ sản xuất vàng miếng)	2420
49.	Đúc sắt, thép	2431
50.	Đúc kim loại màu (Trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2432
51.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
52.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
53.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
54.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
55.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
56.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
57.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
58.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
59.	Bốc xếp hàng hóa	5224
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
61.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
62.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
63.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
64.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5630
65.	Đại lý du lịch	7911
66.	Điều hành tua du lịch	7912
67.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
68.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
69.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
70.	Sản xuất điện Chi tiết: sản xuất điện gió, điện mặt trời	3511

71.	Truyền tải và phân phối điện (trừ truyền tải điện mạng lưới quốc gia và điện cao áp)	3512
72.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
73.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
74.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
75.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
76.	Tái chế phế liệu	3830
77.	Xây dựng nhà để ở	4101
78.	Xây dựng nhà không để ở	4102
79.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
80.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
81.	Xây dựng công trình điện	4221
82.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
83.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
84.	Xây dựng công trình thủy	4291
85.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
86.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
87.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
88.	Phá dỡ	4311
89.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
90.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
91.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
92.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
93.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
94.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
95.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	4759
96.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 30.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG	Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.000. 000	120.000.000.00 0	40,000	0101311837	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	12.000. 000	120.000.000.00 0	40,000		
2	TRƯƠNG THỊ HƯƠNG THẢO	Số 24, Tập thể CTKDDCCH, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000.0 00	60.000.000.000	20,000	0171790054 81	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	6.000.0 00	60.000.000.000	20,000		

3	ĐOÀN XUÂN HUY	Tổ 8, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000.000	60.000.000.000	20,000	034090011362	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	6.000.000	60.000.000.000	20,000		
4	ĐINH VĂN HIỆP	Số 11, Ngách 765/1 Ngõ 765, đường Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000.000	60.000.000.000	20,000	030076008175	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	6.000.000	60.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐINH VĂN HIỆP

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 14/08/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030076008175

Ngày cấp: 04/05/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: *Số 11, Ngách 765/1 Ngõ 765, đường Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 11, Ngách 765/1 Ngõ 765, đường Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội